

## 3.4. CÔNG-GÔ



### 3.4.1. Lệnh cấm và hạn chế xuất khẩu

#### a. Gỗ tròn và gỗ xẻ

Luật Lâm nghiệp số 14-2009 quy định gỗ khai thác được ưu tiên cho các ngành chế biến gỗ tại địa phương. Một số trường hợp ngoại lệ: Các công ty có thể xuất khẩu 15% sản lượng gỗ tròn với một số loài, khi có sự chấp thuận chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền, hay được gọi là hạn ngạch “85/15”. Cục Kiểm soát lâm sản xuất khẩu (SCPFE) chịu trách nhiệm xác minh việc tuân thủ các hạn ngạch xuất khẩu đối với gỗ tròn.

Tuy nhiên, các bộ trưởng phụ trách lâm nghiệp trong CEMAC (Cộng đồng Kinh tế và Tiền tệ Trung Phi), đã đồng thuận việc cấm xuất khẩu gỗ thô từ ngày 1 tháng 1 năm 2022. Công-gô là thành viên của CEMAC, do đó việc cấm xuất khẩu gỗ tròn có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2022.

#### b. Loài

Công-gô chưa cấm xuất khẩu loài gỗ cụ thể nào, mặc dù quy định bảo vệ áp dụng cho một số loài nhưng có thể được xuất khẩu khi có sự chấp thuận chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền.

#### c. Công ước CITES

Công-gô tham gia Công ước CITES và có hiệu lực vào tháng 5 năm 1983.

Việc xuất khẩu và nhập khẩu các loài gỗ được liệt kê trong các phụ lục I, II và III của Công ước CITES phải được ghi chép đầy đủ và kèm theo giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu và tái xuất khẩu chính thức do Cơ quan quản lý CITES cấp.

### 3.4.2. Nguồn gỗ

Có 4 nguồn gỗ tại Công-gô, bao gồm gỗ từ đơn vị quản lý rừng (FMU), gỗ từ đơn vị khai thác rừng (FHU), gỗ có giấy phép khai thác rừng trồng và gỗ khai thác có giấy phép đặc biệt. Trong đó, giấy phép đặc biệt chỉ được cấp cho khu vực đất lâm nghiệp không sử dụng lâu dài.

Hạng mục	Đất lâm nghiệp sử dụng lâu dài			Đất lâm nghiệp không sử dụng lâu dài
	Loại sở hữu rừng	Đơn vị quản lý rừng (FMU)	Đơn vị khai thác rừng (FHU)	Giấy phép khai thác rừng trồng
<b>Hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất</b>	Cấp cho đơn vị khai thác tư nhân sau khi đấu thầu công khai và hồ sơ được phê duyệt bởi Ủy ban đánh giá.	Cấp cho đơn vị khai thác tư nhân sau khi đấu thầu công khai và hồ sơ được phê duyệt bởi Ủy ban đánh giá.	Cấp cho đơn vị khai thác tư nhân. Hợp đồng cho thuê để khai thác rừng trồng.	Cấp cho cá nhân hoặc cộng đồng cho tối đa 5 cây.
<b>Hưởng dụng đất</b>	Nhà nước	Nhà nước	Nhà nước	Nhà nước
<b>Thời hạn</b>	25 năm	15 năm	6 tháng	1 tháng
<b>Quản lý</b>	Tư nhân	Tư nhân	Tư nhân	Tư nhân

Theo Luật Lâm nghiệp số 16-2000 ngày 20 tháng 11 năm 2000, các thỏa thuận khai thác được phân loại như sau:

**a. Chế biến công nghiệp:** Đơn vị khai thác rừng có thể thu thập hạn ngạch khai thác hàng năm được xác định trong Đơn vị quản lý rừng (FMU) của họ. Hiệu lực của các giấy phép hoạt động được xác định theo khối lượng đầu ra và không quá 15 năm. Có thể gia hạn.

**b. Quản lý và chế biến:** Giống như thỏa thuận chế biến công nghiệp ở trên, chủ sở hữu thỏa thuận quản lý và chế biến cũng phải thực hiện các hoạt động lâm sinh như vượt quá 25 năm; tuy nhiên, có thể được gia hạn vô thời hạn, trừ khi chủ sở hữu không đáp ứng được nghĩa vụ của mình, cây đổ, các loài bị đe dọa hoặc xã hội phản ứng.

**c. Giấy phép khai thác rừng trồng:** Giấy phép được cấp theo số lượng cây được khai thác và không được vượt quá 6 tháng. Được gia hạn trong trường hợp bất khả kháng.

**d. Giấy phép đặc biệt:** Giấy phép này chỉ có thể được cấp cho công dân Công-gô, các tổ chức phi chính phủ và các hiệp hội khác được thành lập theo luật Công-gô. Chủ sở hữu giấy phép có thể khai thác thương mại lâm sản ngoài gỗ ở những khu vực cụ thể và với số lượng hạn chế. Nếu được phép, có thể khai thác một số cây được chọn cho mục đích thương mại. Giấy phép đặc biệt có hiệu lực trong 1 tháng và có thể không được gia hạn.

### 3.4.3. Quy định pháp lý đối với khai thác

Thỏa thuận về Chế biến Công nghiệp (ITC), và Quản lý & Chế biến (CAT) chỉ được trao sau khi có Lệnh của Bộ trưởng Bộ Kinh tế Lâm nghiệp và Phát triển bền vững (hiện nay là Bộ Kinh tế Lâm nghiệp).

Các công ty thi hành được đánh giá theo các tiêu chí khác nhau, bao gồm:

- Tác động kinh tế xã hội của các hoạt động dự kiến, rủi ro tài chính, thiết bị và/hoặc cam kết của họ để thực hiện kế hoạch phát triển.
- Chủ sở hữu thỏa thuận phải nộp đơn cho Bộ Kinh tế Lâm nghiệp để ủy quyền xây dựng bất kỳ cơ sở hạ tầng cần thiết nào.
- Nộp đơn xin phép khai thác tối đa hàng năm.
- Thỏa thuận này không được chuyển nhượng hoặc ký hợp đồng phụ, trừ khi được Bộ Kinh tế Lâm nghiệp phê duyệt.

Giấy phép khai thác rừng trồng được cấp theo quy trình đấu thầu công khai và phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Kinh tế Lâm nghiệp và Bộ trưởng Bộ Tài chính là cơ quan xác định giá cuối cùng.

Giấy phép đặc biệt được Cục Lâm nghiệp cấp trong thời hạn một tháng. Quy trình cấp phép:

- Nộp đơn đề nghị tại Văn phòng Cục lâm nghiệp.
- Đến địa điểm để đánh dấu những cây được khai thác.
- Hoạt động khai thác được hoàn thành.

Cục Lâm nghiệp sẽ có báo cáo sau khai thác. Giấy phép khai thác chỉ được cấp cho các công ty được thành lập theo luật pháp Công-gô. Công ty tư nhân nước ngoài muốn khai thác gỗ ở Công-gô, Brazzaville phải thành lập các công ty con theo luật. Công ty khai thác có vốn nước ngoài sẽ chia vốn cổ phần của mình cho công dân Công-gô.

#### 3.4.4. Quy định pháp lý đối với chế biến và vận chuyển

Chế biến gỗ ở Công-gô phải đăng ký chính thức với Bộ Kinh tế Lâm nghiệp cũng như có thẻ căn cước (ID) chuyên ngành.

Theo Quy định của Luật 003/91 ngày 23 tháng 4 năm 1991 về bảo vệ môi trường thì nhà máy sản xuất ván ép phải tiến hành đánh giá tác động môi trường. Tất cả các nhà máy chế biến đều phải tuân thủ các quy định xử lý chất thải, quy định về sức khỏe, an toàn lao động và nghĩa vụ lao động hợp pháp. Thanh toán tiền lương tối thiểu, đăng ký với hệ thống an sinh xã hội cho người lao động, cũng như trả tiền cho hệ thống an sinh xã hội.

#### 3.4.5. Quy định pháp lý đối với xuất khẩu

Xuất khẩu lâm sản từ Công-gô phải tuân thủ sự kiểm tra (số lượng, chất lượng, loài và phân loại...) của Cục Kiểm soát lâm sản xuất khẩu.

Sau khi tiến hành kiểm tra kỹ thuật này, Cục Kiểm soát lâm sản xuất khẩu cấp giấy chứng nhận xác minh xuất khẩu (AVE). Bất kỳ hoạt động xuất

khẩu lâm sản nào từ Công-gô phải kèm theo:

- Tờ khai xuất khẩu.
- Giấy chứng nhận xuất xứ.
- Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật.

#### 3.4.6. Các rủi ro và khuyến nghị biện pháp giảm thiểu rủi ro đối với nhà nhập khẩu

Rủi ro	Khuyến nghị biện pháp giảm thiểu rủi ro
<p><b>Quyền khai thác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tuân thủ yêu cầu hợp đồng nhượng quyền hợp lệ được duyệt.</li> <li>- Không đầy đủ hoặc thiếu kế hoạch quản lý và giấy phép khai thác.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá giấy phép nhượng quyền, giấy phép khai thác, và các tài liệu lập kế hoạch quản lý xem chúng có được thực hiện theo quy trình, luật định hay không, và còn giá trị hay không?</li> </ul>
<p><b>Thuế và Phí:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không trả phí và thuế khai thác (thuế khai thác, thuế đất, thuế khai thác rừng), cũng như thuế đất không theo quy định chế biến công nghiệp (ITC).</li> <li>- Không thanh toán tiền thuế cho Quỹ phát triển địa phương (CAT) và không hoàn thành cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội được quy định trong các khoản phí Công ước (CAT và CTI).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá tình trạng thanh toán thuế cho khối lượng gỗ và diện tích đất thông qua xem xét tài liệu.</li> <li>- Liên hệ với các cơ quan chính phủ có liên quan có thể được sử dụng như một cách để xác nhận tính hợp lệ của các tài liệu và tính chính xác của thông tin.</li> <li>- Kiểm tra chéo thông tin thanh toán thuế với các thông tin khác để có thể xác nhận cơ sở thanh toán, đảm bảo rằng khối lượng và/hoặc khu vực chính xác được sử dụng để tính toán.</li> </ul>
<p><b>Hoạt động khai thác gỗ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hoạt động không đáp ứng các Quy định pháp lý liên quan đến hạn chế loài, diện tích, khối lượng, đường kính tối thiểu của gỗ tròn, cũng như không đáp ứng các quy tắc khai thác gỗ tác động thấp.</li> </ul>	<p>Đánh giá tại chỗ các vấn đề liên quan đến khai thác để xem:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các quy định pháp lý liên quan đến hạn chế khai thác có được đáp ứng không?</li> </ul>

Rủi ro	Khuyến nghị biện pháp giảm thiểu rủi ro
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu đánh giá tác động môi trường và xã hội (ESIA) và yêu cầu xây dựng một chương trình hoạt động và/hoặc để thực hiện các điều khoản nhằm giảm thiểu tác động môi trường và xã hội không được tuân thủ.</li> <li>- Các hoạt động không đáp ứng yêu cầu về sức khỏe của người lao động hoặc tuân thủ các quy định về an toàn và việc làm của người lao động.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- ESIA có được thực hiện chưa, đầy đủ không và được thực hiện hay không?</li> <li>- Quyền và bảo hộ cho công nhân đang được tuân thủ hay không?</li> </ul>
<p><b>Quyền của bên thứ ba:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động khai thác không chú ý đến xác định các địa điểm tâm linh và linh thiêng của người bản địa hoặc thiếu bồi thường/sửa chữa trường hợp không tuân thủ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá tại chỗ các hoạt động khai thác để kiểm tra việc thực hiện các nghĩa vụ pháp lý. Xem xét các tài liệu và thủ tục theo yêu cầu của pháp luật.</li> <li>- Phỏng vấn cộng đồng địa phương và đại diện chính quyền để xác nhận rằng các Quy định pháp lý được đáp ứng hay không.</li> </ul>
<p><b>Thương mại và vận chuyển gỗ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khai báo sai về khối lượng và loài, sử dụng tài liệu vận chuyển gian lận.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác minh chuỗi cung ứng bao gồm xác minh tại chỗ các lô hàng để đánh giá việc tuân thủ các quy tắc nhận dạng loài và đo lường.</li> <li>- Xem xét tài liệu, phỏng vấn nhân viên công ty và các cán bộ chính phủ.</li> </ul>
<p><b>Chế biến:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị khai thác: Không xây dựng Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội và/hoặc khai thác không có giấy phép.</li> <li>- Không tuân thủ các yêu cầu về sức khỏe của người lao động (thiếu dịch vụ y tế theo luật định, không chăm sóc công nhân trong trường hợp tai nạn hoặc bệnh tật. Không đăng ký công nhân và tai nạn lao động với Quỹ An sinh xã hội quốc gia).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá tại chỗ các cơ sở chế biến để xem có đáp ứng được tất cả các quy định pháp lý được chỉ định là rủi ro hay không?</li> </ul>

Rủi ro	Khuyến nghị biện pháp giảm thiểu rủi ro
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tuân thủ nghĩa vụ an toàn của người lao động (thiếu thiết bị bảo hộ cá nhân) và quy định về việc làm (thiếu hợp đồng lao động hợp lệ, không sử dụng phiếu lương để thanh toán cho người lao động, không thanh toán tiền An sinh xã hội, tiền công của người lao động dưới mức lương tối thiểu).</li> </ul>	



### 3.4.7. Một số chứng từ tham khảo sử dụng cho Biểu 3 (Nghị định VNTLAS)

- Giấy phép khai thác hàng năm (*l'autorisation de coupe annuelle*) do Bộ Kinh tế lâm nghiệp và Phát triển bền vững (*Ministère de l'Economie Forestière et du Développement Durable*) hiện là Bộ Kinh tế lâm nghiệp (*Ministère de l'Economie Forestière*) cấp.

MINISTERE DE L'ECONOMIE FORESTIERE  
DU DEVELOPPEMENT DURABLE ET DE  
L'ENVIRONNEMENT  
\*\*\*\*\*  
DIRECTION GENERALE DE L'ECONOMIE  
FORESTIERE  
\*\*\*\*\*  
DIRECTION DEPARTEMENTALE DE  
L'ECONOMIE FORESTIERE DE [redacted]  
\*\*\*\*\*  
N° 001/MEFDE/DGEF/DDEF-[redacted]

REPUBLIQUE DU CONGO  
Unité\*Travail\*Progrès  
\*\*\*\*\*

**AUTORISATION DE COUPE ANNUELLE 2017  
ACCORDEE A [redacted] (tên công ty)  
DANS L'UFA [redacted] (tên đơn vị quản lý rừng  
(AAC<sub>3</sub> DE L'UFP<sub>2</sub>))**

**Le Directeur Départemental de l'Economie Forestière de la [redacted] (tên tỉnh xuất xứ)**

- Vu la Constitution ;
- Vu la loi n° 16-2000 du 20 novembre 2000, portant Code forestier ;
- Vu la loi n°14-2009 du 30 décembre 2009 modifiant certaines dispositions de la loi 16-2000 du 20 novembre 2000 portant code forestier ;
- Vu le décret n° 2002-437 du 31 décembre 2002, fixant les conditions de gestion et d'utilisation des forêts ;
- Vu le plan d'aménagement de l'UFA [redacted] ;
- Vu l'arrêté n° [redacted] portant création, définition des unités forestières d'aménagement du domaine forestier de la zone [redacted] du Secteur Forestier Nord et précisant les modalités de leur gestion et de leur exploitation ;
- Vu l'arrêté n° 2694/MEFE/CAB du 24 mars 2006, fixant les volumes moyens exploitables des arbres des essences de bois d'œuvre ;
- Vu l'arrêté n°19570 du 10 novembre 2014 déterminant les catégories de bois produits au Congo ;
- Vu l'arrêté n° 19571 du 10 novembre 2014, déterminant les zones fiscales de production de bois pour l'application des valeurs FOT ;
- Vu l'arrêté n°22717/MEFDD/MEFPPI du 19 décembre 2014, fixant les valeurs FOB, pour la détermination des valeurs FOT, pour le calcul de la taxe d'abattage des bois en grumes et de la taxe à l'exportation des bois ;
- Vu l'arrêté n°22718 du 31 décembre 2014, fixant le taux de la taxe à l'exportation des bois en grumes issus des forêts naturelles ;
- Vu l'arrêté n°22719 du 31 décembre 2014, fixant le taux de la taxe d'abattage des bois en grumes issus des forêts naturelles ;

- Vu l'arrêté n°23444/MEFDD/MEFPPI du 31 décembre 2014, fixant les valeurs FOT pour le calcul de la taxe d'abattage et de la taxe à l'exportation des bois ;
- Vu l'arrêté n°6380 du 31 décembre 2002, fixant la taxe de déboisement des forêts naturelles ;
- Vu l'arrêté n° 6382 du 31 décembre 2002, fixant les modalités de calcul de la taxe de superficie ;
- Vu l'arrêté n° [redacted] et le jour [redacted] portant approbation de la Convention d'aménagement et de transformation n°14 conclue entre le Gouvernement de la République du Congo et la société [redacted] (tên người được chuyển nhượng) pour la mise en valeur de l'Unité Forestière d'aménagement [redacted] (tên đơn vị quản lý rừng) ;
- Vu l'Avenant n° [redacted] à la convention d'aménagement et de transformation n° [redacted] ;
- Vu la note de service n° 000263/MEF/CAB/DGEF du 11 février 2009, autorisant jusqu'à nouvel ordre, dérogation aux dispositions de l'article 94 de la loi n° 16-2000 du 20 novembre 2000, portant Code forestier, le paiement provisoire de la taxe d'abattage sur la production réalisée mensuellement à base des états de production ;
- Vu la demande d'autorisation de coupe annuelle 2017, formulée par la [redacted] ;
- Vu le rapport de mission présenté par les services techniques de la Direction Départementale de l'Economie Forestière de [redacted]

#### AUTORISE

**Article premier :** la Société [redacted], à entreprendre les travaux d'exploitation forestière dans l'assiette annuelle de coupe numéro trois (AAC<sub>3</sub>) 2017 de l'UFP<sub>2</sub>, d'une superficie de [redacted] (tên tích hectares), située dans l'UFA [redacted] (tên đơn vị quản lý rừng).

L'exploitation dans cette assiette annuelle de coupe porte sur [redacted] (số cây) divers pour un volume fûts de [redacted] (tổng khối lượng gỗ được khai thác và giá trị thuế) prévisionnelle de cent quatre-vingt [redacted] (mille deux cent cinquante-deux) (cây đứng tương đương).

#### Caractéristiques de l'AAC<sub>3-2</sub> 2017

Essences	Nombre de pieds	Volume (m <sup>3</sup> )	Taxe au m <sup>3</sup> (F.CFA)	Taxes (F.CFA)	
các loài cây được cấp phép khai thác	12	Khối lượng	1074	giá trị thuế cây đứng	
	37		10520		
	90	được cấp	2765		
	2	phép	1358		
	97	khai thác	500		
	115	củ từng	2255		
	8	loài	500		
	21		5458		
	[redacted]				
	[redacted]	25			16610

Tương tự như trên, bao gồm loài gỗ, khối lượng, số cây khai thác, tổng giá trị thuế cây đứng	150.000
	0.000
	3.450
	6.745
	5.000
	9.000
	6.800
	5.000
	1.400
	2.730
	8.760
	4.370
	9.999
	3.800
	5.000
	1.252

**Article 2 :** L'assiette annuelle de coupe (AAC<sub>3,2</sub>) 2017 sur laquelle porte la présente autorisation est définie ainsi qu'il suit :

Mô tả ranh giới khu vực khai thác gỗ được cấp phép trong giấy phép khai thác này

du point  
17°14,9";  
au point  
/iron. De  
jusqu'au  
la route

int 49K9  
oint 49K9  
4 mètres  
s l'Ouest  
59N8 au

**Article 3 :** La taxe d'abattage est calculée sur le volume fût réalisé à base de l'état mensuel de production.

**Article 4 :** L'entreprise doit fournir mensuellement à la Direction Départementale de l'Economie Forestière de [redacted], un état de production au plus tard le 15 du mois suivant celui pour lequel l'état est produit.

**Article 5 :** 85% de la production de bois en grumes seront transformés aux complexes industriels de [redacted] et 15% destinés à l'exportation.

✍

**Article 6 :** [redacted] demeure soumise aux dispositions de la législation et de la réglementation forestière en vigueur.

**Article 7 :** Les services techniques de la Direction Départementale de l'Economie Forestière de [redacted] sont tenus de veiller à l'application stricte des présentes dispositions.

**Article 8 :** la présente autorisation annuelle de coupe 2017, qui prend effet à compter du 1<sup>er</sup> janvier 2017, est valable jusqu'au 31 décembre 2017.

Fait [redacted], le 14 décembre 2016



**AMPLIATIONS :**

MEFDDE/CAB	1
DGEF	1
IGSEFDD	1
PREFECTURE	1
[redacted]	1
ARCHIVES	2/7

Áp dụng cho tất cả các chủ sở hữu giấy phép và nhượng quyền, cho phép thu hoạch giới hạn trữ lượng gỗ theo loài và lượng khai thác cho phép hàng năm. Chủ tài liệu là các công ty và bộ có các bản sao của tài liệu này. Chữ ký yêu cầu của Giám đốc của các cục địa phương thuộc Bộ Kinh tế Lâm nghiệp.

- **Chứng nhận xác minh xuất khẩu** (*Attestation de vérification à l'export*) do Cơ quan kiểm soát xuất khẩu lâm sản (*Service de Contrôle des Produits Forestiers à l'Exportation-SCPFE*) cấp.

**SCPFE**  
Service de Contrôle des Produits Forestiers à l'Exportation

**Attestation de Vérification Export (AVE)**

AVE N°: PNR/16/ [ ] Produit: GRUMES

Exportateur: [ ]

Redevable NDU: [ ]  
Adresse: Nom et adresse de l'exportateur

Dossier:  
Réf SCPFE: [ ]  
Réf Exportateur: [ ]  
Navire: de l'acheteur  
Destination: CHINE

Vérification:  
Lieu agréage: PORT PNR  
Date agréage: [ ]  
Date validation: Dates et valeur du lot  
Valeur validée: exporté

Espèce	Zone	Valeur unitaire (Fcf/m3)	Volume commercial (m3)	Nbre d'unités taxable	Valeur taxable (m3)	Valeur POT totale (Fcf)	Taux droits Sortie
	Marqueur TIL			7			
				7			9,00 %
Total AVE				7			

A Pointe Noire le 03/ [ ] A 12:55:47  
Pour le SCPFE: [ ]

La copie originale de la présente AVE est authentifiée par un sticker SCPFE sécurisé 000302 011

Áp dụng cho tất cả các mặt hàng gỗ xuất khẩu. Chủ tài liệu là các nhà xuất khẩu. Yêu cầu chữ ký của Giám đốc Cơ quan kiểm soát xuất khẩu lâm sản - SCPFE.

- **Giấy phép khai thác gỗ và hoạt động lâm nghiệp** do Bộ Lâm nghiệp cấp cho các cá nhân, doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp.

MINISTRE DE L'ECONOMIE FORESTIERE  
DU DEVELOPPEMENT DURABLE ET DE  
L'ENVIRONNEMENT

REPUBLICQUE DU CONGO  
Unité - Travail - Progrès

CABINET [ ]  
DIRECTION GENERALE DE L'ECONOMIE FORESTIERE  
DIRECTION DE LA VALORISATION DES RESSOURCES FORESTIERES

Số giấy phê duyệt: MEFDDE/CAB/DGEF/DVRF-SIS-

**CERTIFICAT D'AGREMENT**  
MADAME LE MINISTRE DE L'ECONOMIE FORESTIERE  
DU DEVELOPPEMENT DURABLE ET DE L'ENVIRONNEMENT

Vu la loi n° 18-2000 du 20 novembre 2000 portant code forestier;  
Vu le décret n° 2002-437 du 31 décembre 2002 fixant les conditions de gestion et d'utilisation des forêts;  
Vu le certificat d'agrément n° [ ]  
Vu la demande de renouvellement d'agrément introduite par [ ]  
en date du [ ]

CERTIFIE: [ ]

Article premier: [ ] remplit les conditions requises pour exercer la profession de la forêt et du bois ci-après, dans les Départements de [ ]  
• exploitant forestier;  
• industriel.

Article 2: La coupe des bois est subordonnée à l'obtention d'une autorisation de coupe annuelle auprès des Directions Départementales de l'Economie Forestière de [ ] dans les superficies qui lui sont attribuées et en dehors des limites des aires protégées.

Article 3: Le certificat d'agrément est retiré sans recours, en cas de coupe de bois frauduleuse, de participation à une coupe illégale ou illicite et de préfinancement ou d'achat des bois frauduleux.

Article 4: Le certificat d'agrément ne peut faire l'objet d'une sous-traitance sous aucune forme, seul son titulaire est habilité à l'utiliser et à se présenter auprès de l'Administration Forestière.

Article 5: [ ] est soumise au respect des dispositions légales et réglementaires en vigueur en matière de forêt.

Article 6: Le présent certificat d'agrément, dont la validité est d'une année renouvelable, prend effet à compter de la date de signature. /-

Fait à Brazzaville, le [ ]

AMPLIATIONS:  
MEFDDE/CAB 1  
DGEF 1  
DVRF 2  
DF 1  
[ ] 1  
ARCHIVES 1/10

LA MINISTRE

Áp dụng cho tất cả các cá nhân, doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp. Yêu cầu chữ ký của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp.

- Giấy chứng nhận xuất xứ do Phòng Thương mại ban hành.

**CHAMBRE CONSULAIRE DE**  
Commerces - Industrie - Agriculture et Mètièrs

**REPUBLIQUE DU CONGO**  
Décret N° 65 - 245 du 04 Décembre 1995

**CERTIFICAT D'ORIGINE** số chứng nhận

PREFECTURE DE Tén tỉnh/ bang cấp giấy chứng nhận  
SOUSSIGNÉ DE Tén tỉnh/ bang cấp giấy chứng nhận

Notis soussignés, Chambre Consulaire  
Certifions que les produits naturels ou industriels faisant objet de l'envoi décrit ci-après ont été récoltés ou transformés à (1) Tén tỉnh/ bang nơi khai thác hoặc chế biến gỗ  
situé dans la (2) sur le territoire de la République du Congo

Tén và địa chỉ công ty

Nombre de colis	Nature du produit	Mention	Tonnage ou cubage	Tonnage ou cubage (en toutes lettres)	Valeur
Số lượng thùng hàng	AFRICAN HARD LOGS	Mô tả dấu hiệu của công ty trên gỗ (búa, logo, tên, v.v.)	khối lượng tính bằng mét khối	trọng lượng	giá trị lô gỗ

cachet de l'Autorité Administrative qui a délivré le certificat  
Địa điểm, thời gian cấp chứng nhận

Vue et vérifié à l'embarquement le (7) Ngày bốc hàng lên tàu  
de (7) Cảng nơi xuất phát Tên tàu  
Les marchandises décrites dans le présent certificat  
cachet de la Douane Nơi đến

En cas d'expédition par voie d'un pays étranger  
Vu et certifié à l'embarquement le (4) au passage en (8)  
Les marchandises décrites dans le présent certificat  
cachet de la Douane Địa điểm ký, ngày tháng

(1) lieu de production (2) Préfecture ou sous-préfecture (3) signature (4) Date (5) Nom du vendeur (6) port de destination (7) port d'embarquement (8) signature de l'agent de Douane (9) pays de transit

Yêu cầu chữ ký của Phòng Thương mại (Chambre de commerce)

- Chứng chỉ tuân thủ do Bộ Ngoại thương (Ministère du commerce extérieur) ban hành, cho phép bốc lô hàng gỗ lên tàu.

MINISTERE DU COMMERCE, DES APPROVISIONNEMENTS ET DE LA CONSOMMATION  
REPUBLIQUE DU CONGO  
Unité Travail Progrès

DIRECTION GENERALE DU COMMERCE EXTERIEUR  
DIRECTION DEPARTEMENTALE DU COMMERCE EXTERIEUR DU Tén bang/ tỉnh  
SERVICE DE L'ADMINISTRATION ET DES ECHANGES COMMERCIAUX.

số giấy chứng nhận M/CAC/DOCE/DDCE-N/SAEC

**Attestation de conformité**

En application des dispositions de l'article 19 de la loi n°3-2007 du 24 janvier 2007, réglementant les importations, les exportations et les réexportations en République du Congo, une attestation de conformité est délivrée pour le cas d'une exportation ou réexportation.

Noms et adresse de l'exportateur: tên và địa chỉ đơn vị xuất khẩu

Noms et adresse du destinataire: tên và địa chỉ đơn vị nhập khẩu  
Co., LTD

Nature du produit: Bois en Grumes (okoumé)  
loại sản phẩm và loài gỗ

Colissage/emballage: Confectionnel

Quantité: Khối lượng

Valeur FOB: Giá trị

Origine: Zone 4

Destination: Chine

Motif de l'opération: VENTE

Chữ ký, ngày tháng, con dấu